

## LUẬT PHÁP - QUAN HỆ QUỐC TẾ

HỢP TÁC VÀ CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC  
TRONG QUAN HỆ MỸ - EU (2022-2024)

Võ Hải Minh\*

Ngày nhận bài: 24/10/2025 | Ngày gửi phản biện: 05/11/2025 | Ngày duyệt đăng: 18/11/2025

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích sự chuyển đổi của quan hệ Mỹ - EU từ mô hình đồng minh an ninh truyền thống sang trạng thái “vừa hợp tác, vừa cạnh tranh” (coopetition) trong giai đoạn 2022-2024. Dựa trên ba lăng kính Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do thể chế và địa-kinh tế, nghiên cứu làm rõ cách các cú sốc địa chính trị gần đây - chiến tranh Nga-Ukraine, Đạo luật Giảm lạm phát (IRA), xung đột Gaza và khủng hoảng vận tải ở Biển Đỏ - vừa củng cố trục hợp tác an ninh, vừa đào sâu trục cạnh tranh kinh tế - công nghệ trong quan hệ xuyên Đại Tây Dương. Trên cơ sở đó, bài viết chỉ ra rằng trạng thái “vừa hợp tác, vừa cạnh tranh” Mỹ - EU tạo ra cả cơ hội lẫn ràng buộc mới đối với các quốc gia tầm trung trong việc tận dụng cạnh tranh để thu hút đầu tư, tái cấu trúc chuỗi cung ứng, đồng thời duy trì đường lối đối ngoại cân bằng, độc lập và tự chủ.

**Từ khóa:** hợp tác, cạnh tranh, Mỹ, EU, tự chủ chiến lược

**Abstract:** This article analyzes the transformation of US-EU relations from a traditional security alliance model to a state of "cooperation and competition" during the period 2022-2024. Drawing on three lenses - Realism, Institutional Liberalism, and Geoeconomics—this study clarifies how recent geopolitical shocks - the Russia - Ukraine war, the Inflation Reduction Act (IRA), the Gaza conflict, and the Red Sea shipping crisis - have both strengthened the axis of security cooperation and deepened the axis of economic and technological competition in transatlantic relations. Based on this, the article points out that the "cooperation and competition" between the US and the EU creates both new opportunities and constraints for middle-sized countries in leveraging competition to attract investment, restructure supply chains, and maintain a balanced, independent, and autonomous foreign policy.

**Keywords:** cooperation, competition, US, EU, strategic autonomy

\* Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

## 1. Đặt vấn đề

Quan hệ Xuyên Đại Tây Dương (Transatlantic relations) - trục an ninh và kinh tế cốt lõi của thế giới phương Tây - đang trải qua một giai đoạn chuyển đổi cấu trúc sâu sắc, khi mô hình “phụ thuộc chiến lược” vào Mỹ hình thành sau Chiến tranh Lạnh dần nhường chỗ cho trạng thái “vừa hợp tác, vừa cạnh tranh” (coopetition) trong bối cảnh địa chính trị mới của thế kỷ XXI. Sự chuyển dịch này diễn ra song song với quá trình xói mòn của trật tự tự do quốc tế (Liberal International Order) hậu năm 1989 và sự trở lại của cạnh tranh giữa các cường quốc, trong đó tư duy của Chủ nghĩa Hiện thực (Realism) ngày càng in đậm dấu ấn trong hoạch định chính sách đối ngoại của cả Mỹ và châu Âu.

Trong bối cảnh đó, mối quan hệ giữa Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) không còn có thể được mô tả đơn thuần như một liên minh dựa trên “giá trị chung” và “lợi ích an ninh” được thể chế hóa thông qua NATO, mà ngày càng được định hình bởi các đường đứt gãy về lợi ích kinh tế, công nghệ và quyền lực. Một mặt, Mỹ và EU tiếp tục chia sẻ nhận thức gần gũi về các mối đe dọa an ninh cứng - từ việc Nga sử dụng vũ lực tại châu Âu đến những thách thức do chủ nghĩa khủng bố và phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt - qua đó duy trì nền tảng hợp tác an ninh vốn đã được củng cố suốt nhiều thập niên. Mặt khác, các lựa chọn chính sách trong lĩnh vực kinh tế, công nghiệp quốc phòng, công nghệ số và chuyển đổi xanh ngày càng phản ánh những ưu tiên mang nặng màu sắc lợi ích quốc gia, dẫn tới những xung đột lợi ích đáng kể ngay trong lòng liên minh.

Các cú sốc địa chính trị trong những năm gần đây đóng vai trò chất xúc tác làm bộc lộ rõ trạng thái “vừa hợp tác, vừa cạnh tranh” này. Chiến tranh Nga - Ukraine bùng nổ năm 2022 đã kích hoạt một “khoảnh khắc Ukraine”, tạo ra mức độ đoàn kết chiến thuật hiếm có giữa Mỹ và EU trong lĩnh vực an ninh - từ chia sẻ tình báo, điều phối trừng phạt đến viện trợ quân sự và tài chính quy mô lớn cho Kyiv. Ngược lại, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung và những chương trình công nghiệp nội địa của Washington, tiêu biểu là Đạo luật Giảm lạm phát (Inflation Reduction Act - IRA), lại là nguồn gốc gây ra các căng thẳng kinh tế nghiêm trọng xuyên Đại Tây Dương khi EU lo ngại bị hút mất đầu tư xanh và mất dần sức cạnh tranh công nghiệp. Cùng với đó, xung đột Gaza và các biến động tại Trung Đông phơi bày sự phân mảnh trong chính sách đối ngoại và an ninh chung của EU, trong khi làn sóng tấn công tàu thuyền tại Biển Đỏ làm gián đoạn các tuyến vận tải biển huyết mạch, qua đó nhấn mạnh mức độ dễ tổn thương của chuỗi cung ứng châu Âu và toàn cầu.

Để lý giải một cách hệ thống những biến động phức tạp nêu trên trong quan hệ

Mỹ - EU, bài viết vận dụng kết hợp ba lăng kính lý thuyết. *Thứ nhất*, Chủ nghĩa Hiện thực nhấn mạnh vai trò trung tâm của quyền lực và an ninh, qua đó giúp lý giải vì sao, bất chấp các bất đồng thương mại, Mỹ vẫn duy trì vị thế lãnh đạo quân sự trong NATO và vì sao phần lớn các nước châu Âu tiếp tục phụ thuộc sâu sắc vào “ô an ninh” của Mỹ, đặc biệt trong bối cảnh đe dọa từ Nga gia tăng. *Thứ hai*, Chủ nghĩa Tự do thể chế (Institutional Liberalism) nhấn mạnh tầm quan trọng của các thể chế đa phương như NATO, EU, G7 - những khuôn khổ đã chứng minh khả năng điều phối tương đối hiệu quả phản ứng tập thể trước các cú sốc hệ thống, tiêu biểu là chiến tranh Nga - Ukraine và nhu cầu hỗ trợ toàn diện dành cho Kyiv. *Thứ ba*, cách tiếp cận địa - kinh tế (geo-economics) được sử dụng để phân tích cách Mỹ và EU ngày càng coi thương mại, chuỗi cung ứng, chính sách trợ cấp công nghiệp, các cơ chế điều chỉnh carbon như CBAM, cũng như quyền lực quy chế (regulatory power) trong lĩnh vực công nghệ số và dữ liệu là những công cụ cạnh tranh chiến lược, không chỉ với các đối thủ như Trung Quốc mà cả với nhau.

Sự kết hợp ba lăng kính này cho phép khái quát quan hệ Mỹ - EU như một cấu trúc nhiều tầng, trong đó hợp tác an ninh và thể chế đa phương tiếp tục duy trì vai trò khung, trong khi cạnh tranh địa-kinh tế và công nghệ ngày càng diễn ra quyết liệt ở tầng dưới. Trên tầng an ninh, logic của Chủ nghĩa Hiện thực và Tự do thể chế thường bổ trợ cho nhau: đe dọa từ Nga càng lớn, nhu cầu phối hợp trong NATO và G7 càng rõ, làm sâu sắc thêm liên kết xuyên Đại Tây Dương. Trên tầng kinh tế - công nghệ, tuy cùng chia sẻ mục tiêu dài hạn như chuyển đổi xanh, bảo đảm an ninh chuỗi cung ứng hay giảm phụ thuộc vào Trung Quốc, Mỹ và EU lại ưu tiên các công cụ chính sách nội địa và lợi ích công nghiệp riêng, dẫn tới những vòng xoáy cạnh tranh trợ cấp, xung đột quy chế và nỗ lực xây dựng “chủ quyền chiến lược” ở cả hai bờ Đại Tây Dương.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích giai đoạn từ năm 2022 đến 2024 - thời kỳ hội tụ dày đặc các cú sốc mang tính bước ngoặt: chiến tranh Nga - Ukraine, IRA và cuộc đua trợ cấp xanh, xung đột Gaza cùng tranh luận về vai trò “quyền lực chuẩn mực” của EU, và khủng hoảng vận tải ở Biển Đỏ với tác động lan tỏa lên lạm phát và chuỗi cung ứng. Đây là giai đoạn mà trạng thái “vừa hợp tác, vừa cạnh tranh” trong quan hệ Mỹ - EU bộc lộ rõ nét nhất, cho phép nhận diện những xu hướng cấu trúc trong dài hạn. Từ việc mổ xẻ các động lực hợp tác an ninh, phân hóa địa - kinh tế và rủi ro khu vực, bài viết hướng tới hai mục tiêu làm rõ cách thức các cú sốc vừa củng cố trực hợp tác an ninh, vừa đào sâu cạnh tranh kinh tế - công nghệ trong quan hệ Mỹ - EU.

## 2. Hợp tác an ninh trong “khoảnh khắc Ukraine”

Xung đột toàn diện Nga - Ukraine vào tháng 2 năm 2022 được coi là “khoảnh khắc Ukraine”, tạo ra sự thống nhất chiến thuật và chiến lược cấp bách trong quan hệ Xuyên Đại Tây Dương. Phản ứng của phương Tây, dẫn đầu bởi Mỹ và EU, là một minh chứng rõ ràng cho hiệu quả của chủ nghĩa Tự do thể chế khi đối mặt với mối đe dọa hệ thống bên ngoài.

Mỹ đã đóng vai trò then chốt trong việc lãnh đạo phản ứng này, từ việc công bố các báo cáo tình báo cảnh báo về một cuộc tấn công sắp xảy ra đến việc phối hợp áp đặt các biện pháp trừng phạt. EU và các quốc gia thành viên đã hành động với tốc độ và sự quyết tâm hiếm có, duy trì liên lạc gần như hàng ngày với Nhà Trắng để điều phối trừng phạt và hỗ trợ Ukraine. Các biện pháp trừng phạt được mô tả là “nhANH chóng và nghiêm trọng” (U.S. Congress, n.d.), nhằm mục đích làm cho Điện Kremlin phải trả giá (Speck, U., 2024). Điều này bao gồm việc cấm nhập khẩu than đá và cam kết loại bỏ toàn bộ nhiên liệu hóa thạch của Nga (bao gồm cả khí đốt tự nhiên) trước năm 2030 (U.S. Congress, n.d.). EU cũng tích cực ngăn chặn việc lách luật trừng phạt, bao gồm việc cấm tàu thuộc đội tàu bóng tối của Nga tiếp cận cảng và dịch vụ.

Mỹ và EU đã hợp tác chặt chẽ trong việc cung cấp viện trợ quy mô lớn. EU, cùng với các quốc gia thành viên và các tổ chức tài chính Châu Âu, đã cam kết hỗ trợ tài chính, nhân đạo và khẩn cấp lên tới 67,3 tỷ Euro kể từ năm 2022 (U.S. Congress, n.d.). Viện trợ này bao gồm một khuôn khổ tài chính quan trọng là “Ukraine Facility” (Cơ chế Ukraine), theo đó các nhà lãnh đạo Châu Âu đã đồng ý cam kết tới 54 tỷ USD (tương đương 50 tỷ Euro) (European Commission, 2024) cho Ukraine cho giai đoạn 2024-2027 nhằm hỗ trợ phục hồi, tái thiết và cải cách (U.S. Congress, n.d.). Hợp tác tài chính cũng mở rộng đến việc sử dụng tài sản bị phong tỏa của Nga. Mỹ và EU đã hoàn tất kế hoạch G7 cho một khoản vay 50 tỷ USD cho Ukraine, được hoàn trả bằng lợi nhuận kiếm được từ các tài sản có chủ quyền của Nga bị phong tỏa (210 tỷ Euro) (U.S. Congress, n.d.). Đến tháng 5 năm 2024, EU đã phê duyệt việc sử dụng lợi nhuận từ các tài sản này để hỗ trợ Ukraine, một động thái đòi hỏi sự phối hợp kinh tế quốc tế phức tạp.

Qua đó, chiến tranh Ukraine củng cố mạnh mẽ trục hợp tác an ninh Mỹ - EU, cho thấy khi đối mặt với mối đe dọa hiện hữu, các yếu tố của Chủ nghĩa Tự do thể chế và Hiện thực có thể tăng cường lẫn nhau.

## 3. Nghịch lý tự chủ chiến lược Châu Âu

Mặc dù xung đột Ukraine đã tạo ra sự đoàn kết chiến thuật, nhưng nó cũng thúc đẩy các mục tiêu Chủ nghĩa Hiện thực trong EU, đặc biệt là thông qua việc theo đuổi Tự chủ

Chiến lược (Strategic Autonomy). Cuộc chiến đã phơi bày sự phụ thuộc sâu sắc của châu Âu vào khả năng phòng thủ của Mỹ/NATO, đặc biệt trong các năng lực quân sự quan trọng như tình báo, giám sát và vận tải chiến lược.

Trước đây, Tự chủ Chiến lược của Châu Âu (ESA) đôi khi bị Mỹ và NATO nhìn nhận với sự nghi ngờ. Tuy nhiên, bối cảnh mới đã khiến ESA chuyển thành một động lực “thực dụng” nhằm củng cố “trụ cột Châu Âu” của NATO, với mục tiêu xây dựng năng lực phòng thủ để có thể hành động “cùng nhau khi có thể, một mình khi cần thiết”.

Mục tiêu chiến lược của EU là tăng cường Cơ sở công nghiệp và công nghệ quốc phòng Châu Âu (EDTIB) thông qua các chương trình như Chiến lược công nghiệp quốc phòng Châu Âu (EDIS) và Chương trình công nghiệp quốc phòng Châu Âu (EDIP), với mục tiêu mua sắm nội khối EU đạt 50% vào năm 2030 (Ostanina, E. & Tardy, T., 2025).

Tuy nhiên, mối đe dọa từ Nga là một mệnh lệnh Hiện thực (Realist imperative) về an ninh phải được giải quyết ngay lập tức, dẫn đến *ngịch lý phụ thuộc và tự chủ*. Phân tích dữ liệu cho thấy rõ rệt sự ưu tiên của các quốc gia thành viên: trong giai đoạn từ tháng 2 năm 2022 đến tháng 6 năm 2023, 78% tổng số vụ mua sắm vũ khí của các nước EU được thực hiện từ các nhà sản xuất ngoài Châu Âu. Đáng chú ý, 63% số tiền đó chảy trực tiếp vào Mỹ (Ostanina, E. & Tardy, T., 2025).

Sự ưu tiên “Mua hàng Mỹ” (Buy American) này, dù nhằm mục đích nhanh chóng bổ sung kho vũ khí cạn kiệt, lại trực tiếp làm suy yếu mục tiêu xây dựng EDTIB và mục tiêu Tự chủ Chiến lược dài hạn của EU. Sự mâu thuẫn giữa hành động mua sắm quốc gia (Member State-level) và mục tiêu chính sách tập thể (EU-level) cho thấy trong bối cảnh mối đe dọa an ninh cấp bách, lợi ích an ninh quốc gia (Realism) ưu tiên tốc độ và sự tin cậy của các hệ thống Mỹ, ngay cả khi điều đó dẫn đến sự chuyển giao vốn và sự phụ thuộc kinh tế - quốc phòng sâu sắc hơn vào đối tác Xuyên Đại Tây Dương.

Tuy nhiên, lựa chọn “mua hàng Mỹ” trong ngắn hạn, trong khi kêu gọi xây dựng EDTIB trong dài hạn, tạo ra một nghịch lý: chính nhu cầu an ninh cấp bách lại gia tăng phụ thuộc chiến lược vào Mỹ, làm sâu sắc thêm cạnh tranh mềm trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng nội khối.

#### **4. Trục phân hoá địa - kinh tế và công nghệ Mỹ - EU**

Nếu xung đột Ukraine tạo ra sự đoàn kết an ninh, thì cạnh tranh địa - kinh tế (Geo-economic rivalry), đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung, lại là động lực chính gây ra sự phân hóa trong quan hệ Xuyên Đại Tây Dương.

***Rào cản bảo hộ xanh: Đạo luật Giảm lạm phát (IRA) của Mỹ***

Đạo luật Giảm Lạm phát (IRA), được Tổng thống Joe Biden ban hành vào tháng 8 năm 2022, đã trở thành một điểm gây căng thẳng kinh tế nghiêm trọng nhất giữa Mỹ và EU. IRA được thiết kế để kích thích sản xuất công nghệ sạch trong nước, với tổng vốn đầu tư cam kết lên tới 133 tỷ USD, tập trung vào sản xuất năng lượng sạch và xe điện (Tạp chí Kinh tế Đô thị, 2023).

Mặc dù EU hoan nghênh cam kết của Mỹ trong việc chống biến đổi khí hậu, khối này phản đối mạnh mẽ các điều khoản bảo hộ trong IRA, đặc biệt là các khoản trợ cấp lớn (ví dụ: 7.500 USD cho người mua xe điện) gắn với điều kiện “Sản xuất tại Bắc Mỹ” (domestic content requirements) (VTV.vn, 2022). Giới chức Châu Âu lo ngại IRA vi phạm các quy tắc của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và sẽ tạo ra sự mất cân bằng cạnh tranh, gây bất lợi cho ngành công nghiệp Châu Âu, đặc biệt là các nhà sản xuất xe điện và chuỗi cung ứng pin. Chủ tịch Ủy ban Châu Âu Ursula von der Leyen bày tỏ lo ngại rằng các điều khoản này có thể dẫn đến phân mảnh chuỗi cung ứng quan trọng và thu hút đầu tư xanh khỏi Châu Âu.

IRA minh họa cho sự ngự trị của Chủ nghĩa Hiện thực Kinh tế trong chính sách của Mỹ. Cả Mỹ và EU đều có mục tiêu chiến lược chung là chuyển đổi xanh và giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc, tuy nhiên, Mỹ đã chọn công cụ cạnh tranh quốc gia (trợ cấp) thay vì các cơ chế hợp tác Xuyên Đại Tây Dương như Hội đồng Thương mại và Công nghệ (TTC). Sự lựa chọn này cho thấy trong bối cảnh địa - kinh tế mới, lợi ích công nghiệp quốc gia (được định hướng bởi nhu cầu an ninh kinh tế) đang được ưu tiên hơn so với các cam kết thể chế Tự do. Điều này đã buộc EU phải đáp trả bằng các chính sách nội địa hóa và trợ cấp tương tự (như Kế hoạch Công nghiệp Thỏa thuận Xanh - Green Deal Industrial Plan), đẩy hai đối tác chiến lược vào một cuộc đua trợ cấp tiềm năng.

Mặc dù bài viết nhấn mạnh khía cạnh địa - kinh tế và bảo hộ công nghiệp của IRA, cần ghi nhận rằng một phần giới học thuật và hoạch định chính sách xem IRA là bước ngoặt tích cực trong nỗ lực cung cấp hàng hóa công toàn cầu về khí hậu, thông qua việc kích thích đầu tư vào công nghệ sạch và năng lượng tái tạo tại nền kinh tế lớn nhất thế giới. Tranh luận giữa cách nhìn IRA như một công cụ “chủ nghĩa hiện thực kinh tế xanh” hay như một cấu phần của “câu lạc bộ khí hậu” (climate club) cho thấy bản chất hai mặt của chính sách này. Bài viết chấp nhận cách diễn giải thứ nhất, khi tập trung vào tác động gây méo mó cạnh tranh đối với EU và tính toán lợi ích công nghiệp quốc gia của Mỹ trong cạnh tranh với Trung Quốc.

Do đó, IRA vừa thể hiện sự hội tụ mục tiêu dài hạn về chuyển đổi xanh, vừa khơi mào một vòng xoáy cạnh tranh trợ cấp giữa hai bờ Đại Tây Dương, phản ánh trạng thái vừa hợp tác, vừa cạnh tranh điển hình trong địa - kinh tế Mỹ - EU.

### ***Cạnh tranh công nghệ và chủ quyền số***

Lĩnh vực công nghệ là nơi Mỹ và EU có sự đồng thuận cao nhất về mối đe dọa chiến lược (Trung Quốc) nhưng lại có sự phân hóa sâu sắc nhất về mô hình quản lý và lợi ích. Cả Washington và Brussels đều chia sẻ đánh giá rằng sự phụ thuộc vào Trung Quốc đe dọa quyền lãnh đạo công nghệ của phương Tây. Điều này thúc đẩy Mỹ áp dụng các biện pháp kiểm soát xuất khẩu nghiêm ngặt đối với các công nghệ quan trọng (như chất bán dẫn). Mỹ cần một Châu Âu thịnh vượng (thị trường lớn, nhân tài, đổi mới) để chiến thắng trong cuộc đua công nghệ toàn cầu.

Ngược lại, trong khi Mỹ tập trung vào việc thúc đẩy đổi mới công nghệ và cạnh tranh thị trường tự do, EU theo đuổi khái niệm “Chủ quyền số” (Digital Sovereignty). Chủ quyền số của EU là một chiến lược nhằm mục tiêu độc lập khỏi các công ty công nghệ ngoài EU (chủ yếu là các tập đoàn GAFAM của Mỹ) và đảm bảo an ninh, quyền riêng tư dữ liệu của công dân. EU đã sử dụng quyền lực quy chế (regulatory power) của mình (thông qua các luật như GDPR, DMA, DSA) để định hình các tiêu chuẩn công nghệ ở cấp độ toàn cầu (Anon, 2025). Bằng cách này, EU đang cố gắng tạo ra không gian để đối phó với Mỹ như một “đối tác bình đẳng” trên trường quốc tế. Tuy nhiên, sự khác biệt về quy chế (Regulatory Divergence) là một rào cản đáng kể. Nếu Mỹ và Châu Âu không thể tìm thấy điểm chung nhanh chóng về các tiêu chuẩn (ví dụ: kiểm soát xuất khẩu AI, luồng dữ liệu, quản trị internet), thế giới công nghệ phương Tây có nguy cơ bị phân mảnh thành các “chế độ quy chế hóa riêng biệt” (siloeed regulatory regimes). Sự phân mảnh này có thể làm chậm đổi mới và tạo lợi thế cho Trung Quốc tiến lên. Do đó, việc duy trì hợp tác Xuyên Đại Tây Dương trong việc định hình các nguyên tắc cơ bản về AI, dữ liệu và quản trị mạng là rất quan trọng để bảo vệ trật tự Tự do kỹ thuật số.

### **5. Rủi ro khu vực và tổn thương chuỗi cung ứng Châu Âu**

Các cú sốc địa chính trị bên ngoài Châu Âu đóng vai trò như các thử nghiệm đối với khả năng hành động thống nhất của EU và sự mong manh của chuỗi cung ứng Châu Âu. Xung đột tại Trung Đông đã bộc lộ tính bất đối xứng trong rủi ro địa lý giữa Mỹ và EU.

Xung đột Israel - Palestine, đặc biệt sau cuộc tấn công của Hamas vào ngày 7 tháng 10 năm 2023, đã làm nổi bật sự phân mảnh nghiêm trọng trong Chính sách Đối ngoại và An ninh Chung (CFSP) của EU, đặc biệt khi so sánh với sự thống nhất mà EU thể hiện

đối với Ukraine. Mặc dù EU từ lâu đã chủ trương giải pháp hai nhà nước và tuân thủ luật pháp quốc tế, sự chia rẽ nội bộ đã hạn chế khả năng của EU trong việc tạo ra một chính sách đối ngoại gắn kết. Sự phân rã này thể hiện rõ ràng trong cuộc bỏ phiếu tại Liên Hợp Quốc vào tháng 12 năm 2023 về việc kêu gọi ngừng bắn nhân đạo ở Gaza: trong khi các quốc gia thành viên khác bỏ phiếu ủng hộ, Áo và Cộng hòa Séc đã phản đối, còn Đức, Hungary và một số nước khác bỏ phiếu trắng.

Phản ứng của EU được nhiều học giả diễn giải trong khung “khoảng cách năng lực - kỳ vọng” vốn đã được Hill nêu ra để chỉ sự chênh lệch giữa quy mô kinh tế và kỳ vọng chính trị dành cho EU với năng lực triển khai hành động đối ngoại thực tế. Đồng thời, các chỉ trích từ Nam bán cầu về ‘tiêu chuẩn kép’ giữa cách EU áp dụng luật pháp quốc tế trong trường hợp Ukraine và Israel - Palestine đặt ra câu hỏi về mức độ bền vững của vai trò “Quyền lực Chuẩn mực” (Normative Power) - khái niệm do Manners đề xuất để mô tả sức mạnh ảnh hưởng dựa trên quy tắc và giá trị của EU. Sự xói mòn hình ảnh này không chỉ làm suy giảm vốn liếng chuẩn mực của EU, mà còn tiềm ẩn nguy cơ gây căng thẳng với Mỹ khi hai bên phải cùng thuyết phục các đối tác thứ ba về tính chính danh của trật tự dựa trên luật lệ..

Việc thiếu thống nhất trong chính sách đối với Trung Đông đã khiến EU bị các quốc gia thuộc Nam bán cầu cáo buộc áp dụng “tiêu chuẩn kép” về luật pháp quốc tế giữa Ukraine và Israel-Palestine. Điều này đe dọa đến vai trò “Quyền lực Chuẩn mực” của EU, vốn là nền tảng cho ảnh hưởng toàn cầu của khối.

Sự khác biệt rõ rệt giữa phản ứng đối với Ukraine (mối đe dọa hiện hữu, thúc đẩy Realism thống nhất) và Gaza (thách thức chuẩn mực, thúc đẩy Liberalism nhưng bị chia rẽ nội bộ) củng cố quan điểm rằng EU ưu tiên các mối đe dọa gần hơn đối với an ninh lãnh thổ Châu Âu hơn là các thách thức đối với trật tự quốc tế ở các khu vực xa xôi.

### ***Tác động kinh tế từ tình hình Biển Đỏ lên Châu Âu***

Sự bất ổn tại Trung Đông còn gây ra hậu quả kinh tế trực tiếp thông qua gián đoạn chuỗi cung ứng hàng hải. Eo biển Bab el - Mandeb và Kênh đào Suez là tuyến đường huyết mạch, trung chuyển khoảng 30% thương mại container toàn cầu, kết nối Châu Á và Châu Âu.

Các cuộc tấn công vào tàu thuyền trên Biển Đỏ đã khiến các công ty vận tải lớn như Maersk phải tạm dừng hoặc chuyển hướng tàu. Thống kê cho thấy, khối lượng thương mại qua Kênh Suez đã giảm 50% so với cùng kỳ trong hai tháng đầu năm 2024, buộc các tàu phải đi vòng qua Mũi Hảo Vọng ở Nam Phi. Tuyến đường vòng này đã làm tăng

khối lượng vận chuyển tại Mũi Hảo Vọng lên 74% (IMF, 2024). Việc chuyển hướng làm tăng đáng kể thời gian và chi phí vận chuyển. Chi phí vận chuyển container 40 foot từ Châu Á đến Bắc Âu đã tăng vọt 173% kể từ khi các cuộc tấn công bắt đầu, thậm chí tăng gấp 5 lần trên một số tuyến đường (Thiên, H., 2024).

Sự gián đoạn này có tác động kinh tế vĩ mô đáng kể, đặc biệt đối với EU, một khu vực nhập khẩu lớn. J.P. Morgan Research ước tính rằng những gián đoạn này có thể làm tăng lạm phát hàng hóa cốt lõi toàn cầu thêm 0,7 điểm phần trăm, và tổng lạm phát cốt lõi thêm 0,3 điểm phần trăm trong nửa đầu năm 2024 (J.P. Morgan Research, 2024). Tác động này càng trầm trọng hơn khi Châu Âu đang tìm cách phục hồi sau khủng hoảng năng lượng do cắt đứt nguồn cung Nga. Gián đoạn Biển Đỏ làm tăng chi phí đầu vào và logistic, làm suy yếu thêm khả năng cạnh tranh công nghiệp của EU. Điều này làm nổi bật tính dễ bị tổn thương của nền kinh tế EU (Realist constraint) trước các cú sốc an ninh bên ngoài, củng cố nhu cầu xây dựng khả năng phục hồi (resilience) của chuỗi cung ứng toàn cầu.

Những cú sốc khu vực tại Trung Đông và Biển Đỏ không chỉ làm bộc lộ khoảng cách giữa kỳ vọng và năng lực hành động thống nhất của EU, mà còn phơi bày mức độ dễ tổn thương của chuỗi cung ứng châu Âu trước các rủi ro an ninh ngoài khu vực. Trong bối cảnh đó, nhu cầu của Mỹ và EU về các đối tác ổn định, có vị trí địa chiến lược thuận lợi và năng lực tham gia chuỗi cung ứng an toàn, đa dạng hóa trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Việt Nam, với vị trí tại trung tâm các tuyến hàng hải và mạng lưới sản xuất châu Á, vì vậy nổi lên như một mắt xích quan trọng trong chiến lược tái cấu trúc chuỗi cung ứng và mạng lưới đối tác của Mỹ và EU.

## 6. Kết luận

Những phân tích trong bài cho thấy quan hệ Mỹ-EU đang vận động trong một cấu trúc phân tầng phức tạp, nơi hợp tác và cạnh tranh đan xen chặt chẽ thay vì loại trừ lẫn nhau. Ở tầng an ninh - chiến lược, các cú sốc địa chính trị như chiến tranh Nga - Ukraine đã trở thành chất xúc tác quan trọng, củng cố vai trò trung tâm của NATO và tái khẳng định vị thế lãnh đạo của Mỹ đối với an ninh châu Âu. Hệ quả là một mức độ thống nhất chưa từng có về trừng phạt, hỗ trợ quân sự và tài chính dành cho Ukraine, cho thấy khi đối mặt với mối đe dọa hiện hữu tới an ninh lãnh thổ, Mỹ và EU vẫn có khả năng hành động như một khối tương đối thống nhất.

Tuy nhiên, chính trong bối cảnh hợp tác an ninh được tăng cường, trực cạnh tranh kinh tế - công nghệ giữa Mỹ và EU lại ngày càng sâu sắc. Cạnh tranh không chỉ xuất

phát từ các bất đồng truyền thống về thương mại, mà còn được “bọc” trong ngôn ngữ của chuyển đổi xanh, an ninh chuỗi cung ứng và chủ quyền số. Các chính sách công nghiệp xanh mang tính bảo hộ của Mỹ, tiêu biểu là Đạo luật Giảm lạm phát (IRA), cùng với những nỗ lực của EU thúc đẩy Tự chủ chiến lược và Chủ quyền số, đã tạo ra một vòng xoáy cạnh tranh về trợ cấp, tiêu chuẩn và quy chế. Nghịch lý nằm ở chỗ, trong khi nhu cầu an ninh cấp bách sau cuộc chiến Ukraine buộc châu Âu phải tăng cường mua sắm vũ khí từ Mỹ, qua đó làm sâu thêm sự phụ thuộc quân sự, thì các bước đi kinh tế và công nghiệp của Washington lại gây sức ép trực tiếp lên cơ sở sản xuất và năng lực cạnh tranh dài hạn của châu Âu.

Sự phân hóa này hàm ý rằng trong tương lai có thể hình thành một trạng thái “bình thường mới” của quan hệ xuyên Đại Tây Dương: đồng thuận chiến lược vẫn tương đối bền vững trong các vấn đề đối đầu cường quốc - như kiềm chế Nga hay cạnh tranh với Trung Quốc - nhưng những tranh chấp về thương mại, trợ cấp xanh, tiêu chuẩn công nghệ và quy chế thị trường nội bộ sẽ tiếp tục là nguồn căng thẳng thường trực. Nói cách khác, trục hợp tác an ninh khó có khả năng đổ vỡ trong ngắn hạn, nhưng trục cạnh tranh kinh tế - công nghệ sẽ ngày càng có trọng lượng lớn hơn trong việc định hình tính toán của cả hai bên.

Ở cấp độ rộng hơn, các cú sốc như xung đột Gaza và khủng hoảng Biển Đỏ phơi bày hai điểm yếu cấu trúc của EU: khả năng bị phân mảnh về chính sách đối ngoại và mức độ dễ tổn thương của chuỗi cung ứng trước rủi ro ngoài khu vực. Sự thiếu nhất quán trong cách EU phản ứng với xung đột Trung Đông đặt dấu hỏi đối với vai trò “quyền lực chuẩn mực”, trong khi các gián đoạn vận tải ở Biển Đỏ cho thấy một nền kinh tế phụ thuộc sâu vào thương mại và năng lượng nhập khẩu như châu Âu rất khó chuyển hóa sức mạnh kinh tế thành quyền lực địa chính trị cứng nếu không tăng cường khả năng tự cường và đa dạng hóa mạng lưới kết nối. Những yếu tố này vừa thúc đẩy nhu cầu của EU về việc tái cấu trúc chuỗi cung ứng, vừa làm gia tăng giá trị của các đối tác ổn định ở những khu vực then chốt.

Trong bối cảnh đó, trạng thái “vừa hợp tác, vừa cạnh tranh” giữa Mỹ và EU không chỉ mang ý nghĩa nội bộ phương Tây mà còn tạo ra những cấu trúc cơ hội và ràng buộc mới đối với các quốc gia tầm trung, trong đó có Việt Nam. Một mặt, cạnh tranh địa-kinh tế và chuyển đổi xanh khiến Mỹ và EU có nhu cầu mở rộng mạng lưới đối tác để đa dạng hóa chuỗi cung ứng, đầu tư vào cơ sở hạ tầng chiến lược và tìm kiếm những điểm tựa chính trị ổn định tại các khu vực động lực tăng trưởng mới. Mặt khác, sự không chắc chắn và phân tầng trong quan hệ xuyên Đại Tây Dương đặt các nước tầm

trung trước nguy cơ phải điều chỉnh chính sách liên tục để thích ứng với tiêu chuẩn, quy chế và ưu tiên thay đổi của các cường quốc.

Đối diện cấu trúc đó, lựa chọn tối ưu cho Việt Nam khó có thể là “đứng về một bên” trong cạnh tranh giữa các trung tâm quyền lực. Thay vào đó, hướng đi khả thi hơn là chủ động nâng cao năng lực nội tại - từ chất lượng thể chế, năng lực công nghiệp, chuẩn mực ESG đến hạ tầng kết nối - nhằm tăng sức đề kháng trước các cú sốc bên ngoài, đồng thời nâng cấp vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu. Việc tận dụng cạnh tranh giữa Mỹ, EU và các cường quốc khác để đa dạng hóa nguồn lực phát triển (vốn, công nghệ, thị trường) cần được triển khai song song với nỗ lực duy trì đường lối đối ngoại cân bằng, độc lập và tự chủ. Chỉ trên nền tảng đó, Việt Nam mới có thể chuyển trạng thái cạnh tranh Mỹ-EU từ một biến số khó lường thành một không gian chiến lược, nơi các rủi ro được quản lý chặt chẽ và các cơ hội được khai thác tối đa cho mục tiêu phát triển lâu dài.

### Tài liệu tham khảo

1. Anon. (2020). U.S. Image Plummet Internationally as Most Say Country Has Handled Coronavirus Badly. Pew Research Center.
2. Borrell, J. (2023). What the EU stands for in Gaza and the Israeli-Palestinian conflict [Online]. European External Action Service (EEAS). [Accessed 2 October 2025].
3. European Commission (2024a). Global Gateway: EU and Vietnam strengthen their partnership to boost sustainable mobility. EEAS.
4. European Commission (2024b). European Defence Industrial Programme (EDIP)
5. IMF. (2024). *Red Sea Attacks Disrupt Global Trade* [Online]. Available from: [Accessed 2 October 2025].
6. J.P. Morgan Research. (2024). *Key takeaways on Red Sea shipping disruption economic impact*.
7. Ostanina, E. & Tardy, T. (2025). *European Defence Industrial Strategy: Challenges and Prospects. Institut Montaigne*.
8. Schmidt, M. (2025). Transatlantic Relations: A Fading Paradigm?. *Cambridge University Press*.
9. Speck, U. (2024). The Ukraine Moment in Transatlantic Relations: And Then What? [Online] *German Marshall Fund of the United States*. [Accessed 2 October 2025].
10. Tạp chí Kinh tế Đô thị. (2023). Ngành năng lượng sạch Mỹ bùng nổ nhờ đạo luật giảm phát.
11. Thiên, H. (2024). Red Sea Route Disruption and Supply Chain. *ResearchGate*.
12. U.S. Congress (n.d.). U.S. and EU Strategic Coordination on Russia Sanctions and Economic Aid for Ukraine. *Congressional Research Service (CRS)*.
13. UN News. (2023). UN resolution on humanitarian ceasefire in Gaza.
14. VTV.vn. (2022). Luật giảm lạm phát của Mỹ và tác động đến quan hệ Mỹ - EU.
15. Washington, D. C. (2024). The Looming Danger of Transatlantic Disunity. *Georgetown Journal of International Affairs*.
16. Zoellick, R. (2020). Tech 2030: A Roadmap for Europe-US Tech Cooperation. CEPA.